



Thiết kế điều tra và chọn mẫu của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” (vòng 5) tại Việt Nam

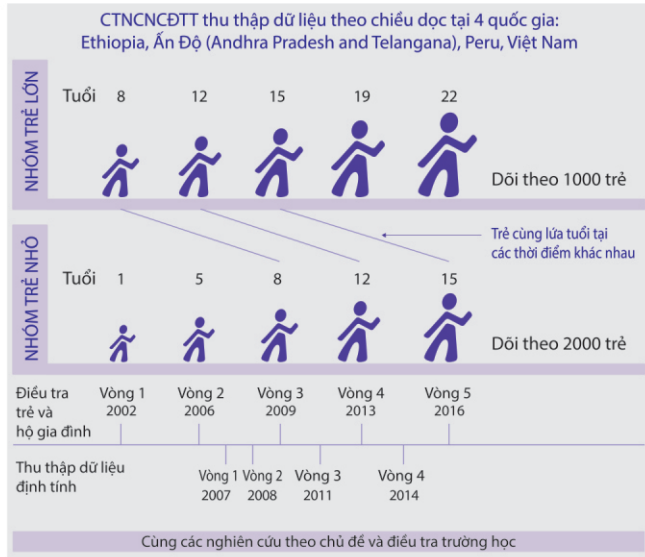
Bản thông tin tóm tắt này giới thiệu các phương pháp điều tra và thiết kế chọn mẫu tại Việt Nam, cùng với tỷ lệ rơi rụng trong suốt 15 năm thực hiện chương trình nghiên cứu (CTNC) “Những cuộc đời trẻ thơ” (từ vòng 1 năm 2002 đến vòng 5 năm 2016). Bản tóm tắt này cũng cung cấp thông tin về các địa bàn nghiên cứu, nơi có trẻ tham gia mẫu điều tra đang sinh sống để có thể hiểu rõ hơn về bối cảnh các kết quả nghiên cứu được đưa ra trong loạt bản thông tin tóm tắt này, bao gồm một số kết quả ban đầu từ vòng điều tra thứ 5 trong các lĩnh vực: *Giáo dục; Phát triển thể chất và Dinh dưỡng; Trưởng thành: Kỹ năng, lập nghiệp và xây dựng gia đình; và Đói nghèo và sự thay đổi qua các thế hệ.*

Giới thiệu về CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” được thiết kế là một nghiên cứu đoàn hệ, theo dõi cuộc sống của 12.000 trẻ em tại bốn quốc gia có mức thu nhập thấp và thu nhập trung bình - gồm Ethiopia, Ấn Độ (bang Andhra Pradesh và Telangana), Peru và Việt Nam - trong suốt 15 năm. Mẫu điều tra tại mỗi nước bao gồm hai nhóm trẻ: một nhóm trẻ nhỏ (nhóm trẻ Thiên niên kỷ) với 2.000 trẻ mới 1 tuổi khi vòng điều tra đầu tiên được tiến hành năm 2002, và một nhóm trẻ lớn hơn, với 1.000 trẻ khi đó đã 8 tuổi.

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” đã thu thập được một lượng lớn thông tin thông qua điều tra hộ gia đình trên quy mô lớn với tất cả số trẻ và người chăm sóc chính của các em, kèm theo đó là các cuộc phỏng vấn sâu, hoạt động nhóm, và một số trường hợp nghiên cứu điển hình đối với một nhóm nhỏ trong số trẻ, cùng với người chăm sóc chính, giáo viên và đại diện chính quyền nơi các em sinh sống. Nghiên cứu không chỉ theo dõi môi trường vật chất và xã hội của toàn mẫu điều tra của Chương trình, mà còn thu thập thêm cả thông tin về quan điểm của các em về cuộc sống và kỳ vọng của các em cho tương lai, đặt trong bối cảnh môi trường và xã hội thực tại của các cộng đồng nơi các em sinh sống.

Thực tế là công trình nghiên cứu kéo dài 15 năm trong cuộc đời của những đứa trẻ này - bao gồm các lứa tuổi từ khi còn thơ ấu cho đến khi bắt đầu trưởng thành, khi mà bản thân một số em đã trở thành bậc làm cha mẹ - đồng nghĩa với việc nghiên cứu có thể xem xét cuộc sống của trẻ, sinh sống trong hoàn cảnh khác nhau, thay đổi như thế nào qua thời gian. Số liệu thu thập qua năm vòng điều tra, được bổ sung bởi bốn vòng điều tra định tính đối với một nhóm nhỏ trẻ của Chương trình, khiến CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” trở thành một bộ số liệu dài hạn độc đáo, mang tính so sánh quốc tế, cho phép tìm hiểu nguyên nhân và hệ quả của đói nghèo từ thời thơ ấu.

Hình 1. CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” và nghiên cứu đoàn hệ

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” tại Việt Nam

Tại Việt Nam, đã có 5 vòng điều tra định lượng được thực hiện đối với trẻ, hộ gia đình và cộng đồng nơi các em sinh sống. Vòng điều tra đầu tiên được thực hiện năm 2002 khi hai nhóm trẻ mới gần 1 tuổi và 8 tuổi. Các vòng điều tra tiếp theo được thực hiện năm 2006 (vòng 2), 2009 (vòng 3), 2013 (vòng 4) và, mới đây nhất là năm 2016 (vòng 5), khi trẻ đã gần 15 tuổi (nhóm trẻ sinh năm 2001 - 2002) và 22 tuổi (nhóm trẻ sinh năm 1994 - 1995).

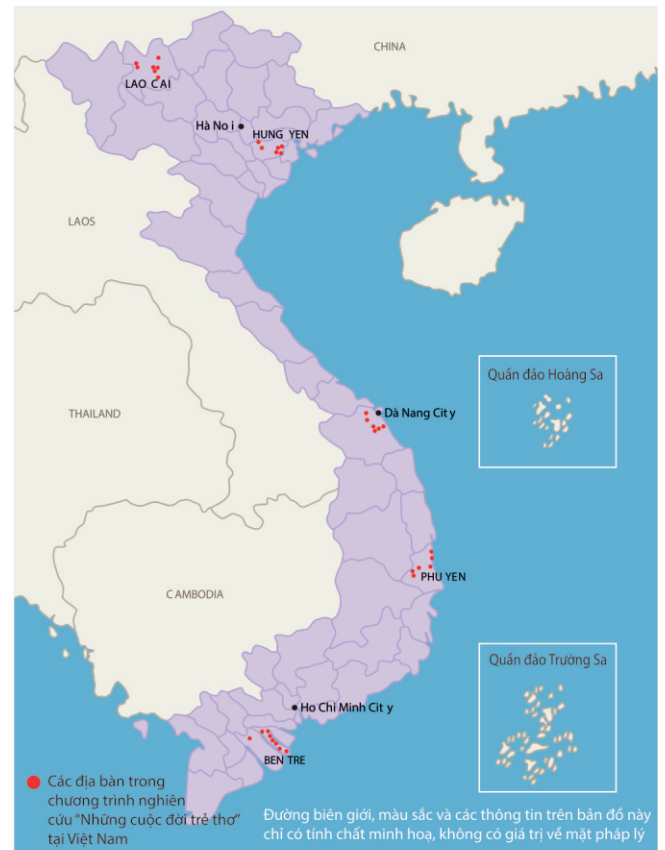
Thiết kế điều tra

Trẻ được chọn từ 20 địa bàn nghiên cứu đã được xác định cụ thể ở mỗi nước. Khái niệm về địa bàn nghiên cứu xuất phát từ các nghiên cứu về giám sát sức khỏe, và là một hình thức lựa chọn mẫu có chủ ý, khi mà địa bàn (hoặc ‘cụm’ trong ngôn ngữ mẫu điều tra) sẽ đại diện cho một nhóm dân số nhất định, và được kỳ vọng sẽ bộc lộ các xu hướng điển hình tác động đến người dân hoặc khu vực nơi đây.

Các địa bàn nghiên cứu ở Việt Nam được lựa chọn từ năm 2001 dựa trên phương pháp chọn mẫu thiên về nghèo có chủ đích. Tại Việt Nam, một địa bàn nghiên cứu được chọn trên cơ sở theo xã.

Một xã thường có cơ quan chính quyền địa phương, trường tiểu học, trạm y tế (trạm xá), bưu điện và chợ. Trong trường hợp nếu xã được lựa chọn không có đủ số trẻ 1 tuổi khi bắt đầu thực hiện khảo sát, một xã lân cận với điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với xã này cũng sẽ được lựa chọn để đạt số lượng trẻ cần thiết. Vì vậy, với 20 địa bàn nghiên cứu, đã có 31 xã được đưa vào mẫu điều tra. Năm 2006, Đà Nẵng đã tiến hành cải cách hành chính, kết quả là đã xuất hiện thêm một số phường mới, và vì vậy, giờ đây mẫu điều tra của Chương trình được trải đều trên 34 xã/phường.

Tình: Năm 2001, Việt Nam có 61 tỉnh thành được chia thành gần 600 quận/huyện và hơn 10.300 xã/phường. Về phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam có thể được chia thành 8 vùng: Tây Bắc, Đông Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, các chuyên gia của Chương trình cũng phân loại tất cả các đô thị lớn nhất (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Bà Rịa - Vũng Tàu) thành một vùng - vùng “Thành thị”.

Hình 2. Các địa bàn nghiên cứu của Chương trình tại Việt Nam

Địa bàn nghiên cứu: Việc lựa chọn ra 4 địa bàn nghiên cứu tại mỗi tỉnh do chính quyền địa phương thực hiện bằng cách xếp hạng tất cả các xã trên địa bàn tỉnh theo mức độ nghèo: nghèo, trung bình, khá giả, và giàu. Các tiêu chí sử dụng để xếp hạng gồm có: (1) phát triển cơ sở hạ tầng, (2) tỷ lệ hộ nghèo trong xã, và (3) tình trạng trẻ bị suy dinh dưỡng.

Bốn địa bàn nghiên cứu được chọn với chủ ý chọn nhiều xã nghèo vào mẫu điều tra: 2 xã thuộc nhóm nghèo, 1 xã trung bình, và 1 từ nhóm trên trung bình (kết hợp hai nhóm khá giả và giàu). Một số tiêu chí khác được sử dụng trong quá trình chọn lọc gồm: (1) xã phải có các đặc điểm đặc trưng của tỉnh; (2) sự cam kết của chính quyền địa phương đối với Chương trình nghiên cứu; (3) tính khả thi để thực hiện nghiên cứu; và (4) quy mô dân số.

Trong số 31 xã được lựa chọn ban đầu, 15 xã là xã nghèo (48%), 9 xã thuộc loại trung bình (29%), và 7 xã (23%) thuộc loại trên trung bình.

Hộ gia đình và trẻ: Tại mỗi địa bàn, các hộ gia đình được rà soát để tạo thành một danh sách trẻ đáp ứng đủ các điều kiện (1 và 8 tuổi năm 2001). Từ danh sách các hộ gia đình này, một mẫu 100 đứa trẻ sinh từ 1/2001 - 5/2002 và 50 đứa trẻ sinh từ 1/1994 - 6/1995 được lựa chọn bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Các gia đình có con sinh đôi và sinh ba đều bị loại. Tỷ lệ từ chối tham gia (người chăm sóc chính từ chối) chưa đến 2%, và sau đó đã được lựa chọn thay thế. Đối với các hộ có nhiều hơn 1 đứa trẻ 1 và 8 tuổi, phương pháp chọn ngẫu nhiên được áp dụng để chọn ra 1 đứa trẻ duy nhất.

Bảng 1. Các địa bàn nghiên cứu của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” tại Việt Nam

Mã cụm	Tỉnh	Địa bàn	Miêu tả ngắn
1	Phú Yên	Địa bàn 1	Địa bàn khu vực nông thôn vùng đất liền, thường xuyên ngập úng với tỷ lệ nghèo năm 2002 cao, nhưng đến nay đã được cải thiện và không còn quá nghèo
2	Phú Yên	Địa bàn 2	Địa bàn khu vực ven biển ở Phú Yên có tỷ lệ nghèo ở mức trung bình
3	Phú Yên	Địa bàn 3	Địa bàn khu vực miền núi rất nghèo tập trung rất đông các đồng bào dân tộc thiểu số
4	Phú Yên	Địa bàn 4	Địa bàn khu vực ven biển có điều kiện kinh tế khá giả của tỉnh Phú Yên, có nuôi tôm
5	Bến Tre	Địa bàn 5	Địa bàn khu vực ven biển nghèo, thường xuyên ngập úng ở đồng bằng sông Cửu Long, với hệ thống giao thông kết nối còn khó khăn
6	Bến Tre	Địa bàn 6	Địa bàn khu vực nội địa châu thổ đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ nghèo trên mức trung bình.
7	Bến Tre	Địa bàn 7	Địa bàn khu vực thường bị ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện giao thông còn khó khăn nhưng tỷ lệ nghèo ở mức tương đối.
8	Bến Tre	Địa bàn 8	Địa bàn khu vực đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện kinh tế khá giả, hệ thống giao thông tốt.
9	Lào Cai	Địa bàn 9	Một trong số các địa bàn khu vực miền núi của tỉnh Lào Cai, nơi tập trung đông các đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện giao thông rất khó khăn và cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn.
10	Lào Cai	Địa bàn 10	Khu vực địa bàn miền núi rất nghèo của tỉnh Lào Cai, nơi sinh sống chủ yếu của các đồng bào dân tộc thiểu số và cơ sở hạ tầng kém phát triển.
11	Lào Cai	Địa bàn 11	Khu vực địa bàn miền núi nghèo của tỉnh Lào Cai, là nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.
12	Lào Cai	Địa bàn 12	Khu vực địa bàn miền núi rất nghèo của tỉnh Lào Cai, là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và cơ sở hạ tầng còn kém phát triển.
13	Hung Yên	Địa bàn 13	Khu vực địa bàn nông thôn có điều kiện kinh tế thuộc loại khá, với mật độ dân số cao và hệ thống cơ sở hạ tầng tốt.
14	Hung Yên	Địa bàn 14	Khu vực địa bàn nông thôn nghèo vùng đồng bằng sông Hồng, gần thành phố lớn và có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt.
15	Hung Yên	Địa bàn 15	Khu vực địa bàn nông thôn chuyên sản xuất lúa vùng đồng bằng sông Hồng, có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt.
16	Hung Yên	Địa bàn 16	Khu vực địa bàn nông thôn nghèo vùng đồng bằng sông Hồng, có mật độ dân số cao và cơ sở hạ tầng giao thông tốt.
17	Đà Nẵng	Địa bàn 17	Khu vực địa bàn đô thị ở thành phố Đà Nẵng có cơ sở hạ tầng trung bình, người dân chủ yếu là lao động phổ thông
18	Đà Nẵng	Địa bàn 18	Khu vực địa bàn đô thị có điều kiện kinh tế thuộc loại khá của Đà Nẵng, có kết nối rất tốt với các loại dịch vụ.
19	Đà Nẵng	Địa bàn 19	Khu vực địa bàn ngoại ô thuộc loại tương đối nghèo ở thành phố Đà Nẵng, với điều kiện môi trường và hệ thống giao thông còn yếu kém
20	Đà Nẵng	Địa bàn 20	Khu vực địa bàn ở Đà Nẵng, chủ yếu gồm cộng đồng dân cư và đô thị mới phát triển, với cơ sở hạ tầng thuộc loại trung bình và điều kiện bảo vệ môi trường còn nhiều yếu kém.

So sánh CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” với các bộ số liệu khác

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” không phải là điều tra mang tính đại diện cấp quốc gia như Điều tra Dân số và Sức khỏe (DHS) hoặc Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS). Thay vào đó, là một nghiên cứu dài hạn kéo dài nhiều năm, mong muốn chỉ ra những thay đổi của các cá nhân qua thời gian và tác động của hoàn cảnh đầu đời đến kết quả phát triển sau này của trẻ, chỉ ra những sự khác biệt phân theo tuổi tác, dân tộc, giới tính, địa bàn nơi sinh sống, điều kiện kinh tế, và v.v.

Tuy nhiên, khi so sánh với DHS 2002 và VHLSS 2002 cho thấy mẫu điều tra của Chương trình gồm các hộ gia đình ít tiếp cận với các dịch vụ cơ bản hơn và có thu nhập thấp hơn so với hộ gia đình trung bình của Việt Nam. Bên cạnh đó, khu vực đô thị không được đại diện đầy đủ, cả xét về quy mô dân số và mức độ phát triển. Thành phố Đà Nẵng được lựa chọn có trình độ phát triển thấp hơn so với các thành phố khác như Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh. Những sự khác biệt này phản ánh mẫu điều tra nghiên cứu thiên về nghèo của chương trình. Vì thực hiện quy trình chọn mẫu không ngẫu nhiên và có chủ ý chọn nhiều các địa bàn nghèo, nên mẫu điều tra của Chương trình không mang tính đại diện quốc gia. Tuy nhiên, mẫu điều tra của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” đại diện cho tỷ lệ của các nhóm dân tộc thiểu số và giới tính¹, vì vậy, việc tận dụng sự đa dạng của nhóm trẻ ở Việt Nam cho phép nghiên cứu tìm hiểu các mối quan hệ nhân quả, những động lực thay đổi phúc lợi của trẻ qua thời gian.

Theo dõi mẫu và tỷ lệ rơi rụng mẫu

Tình trạng rơi rụng mẫu diễn ra khi những đứa trẻ đã tham gia phỏng vấn từ vòng điều tra đầu tiên sau đó bị mất liên lạc hoặc từ chối tham gia vào các vòng điều tra tiếp theo. Chương trình nghiên cứu đã nỗ lực tìm kiếm, theo dõi nhiều trẻ nhất có thể giữa các vòng điều tra, nhằm giảm thiểu nguy cơ rơi rụng mẫu.

Bảng 2. Tỷ lệ rơi rụng mẫu giữa vòng 1 và vòng 5

	Nhóm sinh '01-'02	Nhóm sinh '94-'95
Mẫu điều tra ban đầu vòng 1 (2002)	2.000	1.000
Từ chối	1	9
Mất liên lạc	3	12
Sinh sống ở nước ngoài	10	20
Không thể tiếp cận*	1	4
Tổng số tham gia phỏng vấn vòng 5 (2016)	1.937	909
Tỷ lệ rơi rụng (%)**	2,5%	8,6%

Ghi chú: * Bao gồm trẻ nhập ngũ hoặc đi tù

** Không tính các trường hợp từ vòng vào tỷ lệ rơi rụng, có 14 trường hợp trong nhóm trẻ sinh 2001-2002 (0,7%) và 5 trường hợp (0,3%) trong nhóm trẻ sinh 1994-1995.

Tỷ lệ rơi rụng ghi nhận trong mẫu điều tra ở Việt Nam khá thấp so với mặt bằng chung các nghiên cứu dài hạn khác² và cao hơn một chút so với các nước khác cùng tham gia CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” (2,5% đối với nhóm trẻ sinh 2001 - 2002 và 8,6% đối với nhóm trẻ sinh 1994 - 1995). Chương trình làm việc với các cộng tác viên tại địa phương từ vòng 1 cho đến nay giúp nghiên cứu có thể xây dựng và duy trì các mối quan hệ vững chắc với các gia đình và giảm thiểu được tình hình rơi rụng mẫu.

1 Việt Nam là một đất nước với hơn 50 dân tộc chung sống, dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14% dân số. Các nguồn lực không cho phép nghiên cứu đạt mức đại diện tỷ lệ của tất cả các nhóm dân tộc thiểu số, khi mỗi nhóm không chiếm quá 2% dân số. Trong mẫu điều tra của Chương trình, nhóm dân tộc lớn thứ hai là nhóm người Mông, với 156 trẻ tham gia nghiên cứu (5% mẫu điều tra). Nhóm dân tộc lớn thứ hai đó là người Dao, với 64 trẻ. Tất cả các nhóm khác gồm chưa đến 50 trẻ. Ở cấp quốc gia, người Mông hay nhóm Dao đều không nằm trong nhóm 5 dân tộc lớn nhất Việt Nam.

2 Xem thêm Phụ lục A trong Outes-Leon và Dercon (2008)

Bảng 3. Đặc điểm chung của mẫu điều tra của Chương trình ở vòng 1 và vòng 5

	Nhóm trẻ sinh 2001 - 2002				Nhóm trẻ sinh 1994 - 1995			
	Vòng 1 – 2002		Vòng 5 – 2016		Vòng 1 – 2002		Vòng 5 – 2016	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Giới tính								
Nam	1.027	51,4	991	51,2	501	50,1	446	49,1
Nữ	973	48,7	946	48,8	499	49,9	463	50,9
Khu vực								
Đô thị	400	20,0	371	19,2	200	20,0	172	18,9
Nông thôn	1.600	80,0	1.566	80,8	800	80,0	737	81,1
Vùng nông thôn								
Miền núi phía Bắc	400	20,0	382	19,7	200	20,0	180	19,8
ĐB sông Hồng	400	20,0	395	20,4	200	20,0	187	20,6
Duyên hải miền Trung	400	20,0	394	20,3	200	20,0	182	20,0
ĐB sông Cửu Long	400	20,0	395	20,4	200	20,0	188	20,7
Số năm đi học của NCSC								
Không đi học	215	10,8	205	10,6	97	9,7	87	9,6
1 - 4 năm	289	14,5	285	14,7	175	17,5	165	18,2
5 - 8 năm	683	34,2	674	34,8	298	29,8	274	30,1
≥ 8 năm	770	38,5	748	38,6	418	41,8	377	41,5
Dân tộc								
Kinh	1.712	85,6	1.664	85,9	872	87,2	796	87,6
DTTS	288	14,4	273	14,1	128	12,8	113	12,4
Tổng	2.000	100,0	1.937	100,0	1.000	100,0	909	100,0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ian Wilson, Sharon Huttley and Bridget Fenn (2004) A Case Study of Sample Design for Longitudinal Research: Young Lives, *International Journal of Social Research Methodology* 9.5: 351-365.

Ngoc P. Nguyen (2008) *An Assessment of the Young Lives Sampling Approach in Vietnam*, Technical Note 4, Oxford: Young Lives.

Outers-Leon, I. and S. Dercon (2008) *Survey Attrition and Attrition Bias in Young Lives*. Young Lives Technical Note 5, Oxford: Young Lives.

Young Lives (2017). *Young Lives Methods Guide*, available at: www.younglives.org.uk/what-we-do/research-methods/methods-guide

LỜI CẢM ƠN

Bản thông tin tóm tắt *Thiết kế điều tra và chọn mẫu* được đưa ra nhằm bổ sung thông tin cho các bản thông tin tóm tắt giới thiệu một số kết quả chính từ vòng thứ 5 của khảo sát trẻ em và hộ gia đình trong khuôn khổ CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”. Các bản thông tin tóm tắt - bao gồm các chủ đề *Giáo dục; Đói nghèo và sự thay đổi qua các thế hệ; Phát triển thể chất và Dinh dưỡng; và Trưởng thành: Kỹ năng, Lập nghiệp và Xây dựng gia đình* - được thực hiện bởi Patricia Espinoza, Liza Benny, Lê Thúc Dục và Nguyễn Thị Thu Hằng.

Chúng tôi chân thành gửi lời cảm ơn đến các bạn trẻ cùng gia đình các em đã sẵn lòng tham gia vào mẫu nghiên cứu của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” và trả lời các câu hỏi nghiên cứu của Chương trình. Chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn tới tới các cộng tác viên, điều tra viên của chúng tôi - đặc biệt là các giám sát viên vì những nỗ lực của họ trong việc giảm thiểu tỷ lệ rơi rụng mẫu. Chúng tôi trân trọng cảm ơn bà Hồ Thị Kim Nhung đã đảm nhận việc điều phối quá trình điều tra thực địa, và ông Nguyễn Văn Tiến, Quản lý dữ liệu của Chương trình. Những quan điểm thể hiện trong bản tóm tắt này là của các tác giả, không nhất thiết thể hiện quan điểm của, hay phê duyệt bởi, CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”, Đại học Oxford, DFFID hay các nhà tài trợ khác.

Bản quyền ảnh thuộc về CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”. Các hình ảnh sử dụng trong các ấn phẩm của Chương trình là ảnh của thanh thiếu niên có hoàn cảnh sinh sống giống với thanh thiếu niên tham gia trong mẫu điều tra của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”.

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” là một chương trình nghiên cứu quốc tế về nghèo trẻ em, theo dõi cuộc sống của 12.000 trẻ em tại bốn quốc gia (Ethiopia, Ấn Độ, Peru và Việt Nam). CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” tại Việt Nam có trụ sở tại Trung tâm Phân tích và Dự báo (CAF) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, phối hợp thực hiện với Tổng Cục Thống kê Việt Nam (GSO) và trường Đại học Oxford (Vương quốc Anh)



CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”
được tài trợ chính bởi
Bộ Phát triển quốc tế
Vương quốc Anh.



www.younglives.org.uk

© Young Lives Tháng 1/2018